

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

Số: /TTr-PC
(Dự thảo 2)

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật
Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ

Kính trình: Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Để triển khai Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 bảo đảm đồng bộ và để công tác xét xử tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ được thống nhất (đặc biệt là các vụ án thuộc diện Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực), Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học xin báo cáo và kính trình Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về dự thảo Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Cơ sở pháp lý

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, bảo đảm áp dụng thống nhất các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.

Tuy nhiên, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, trong đó sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến các tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ, cụ thể như: (1) Bỏ hình phạt tử hình đối với tội tham ô và tội nhận hối lộ; (2) bãi bỏ quy định không thi hành án tử hình đối với người bị kết án nếu người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn; (3) Bổ sung quy định người bị kết án tù chung thân về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ chỉ có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

2. Cơ sở thực tiễn



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

Việc Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ đã tạo ra hành lang pháp lý để các Tòa án thống nhất đường lối xét xử, đảm bảo đúng chủ trương, đường lối xử lý của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các phán quyết của Hội đồng xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hình phạt áp dụng với bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm. Qua đó, các Tòa án đã góp phần tích cực vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ, được dư luận xã hội đánh giá cao.

Tuy nhiên, thực tiễn xét xử các vụ án kinh tế tham nhũng, chức vụ, đặc biệt là các vụ án liên quan đến sai phạm trong quản lý đất đai, tài sản của Nhà nước vẫn còn không ít những quan điểm khác nhau, thiếu thống nhất về thời điểm xác định thiệt hại để làm căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự và trách nhiệm bồi thường thiệt hại; thời điểm tội phạm chấm dứt, tội phạm liên tục kéo dài cũng như thiệt hại tội phạm kéo dài, thời điểm chấm dứt thiệt hại... Điều này cho thấy việc hoàn thiện pháp luật liên quan đến xác định thiệt hại trong các vụ án tham nhũng là yêu cầu cấp bách đặt ra trong thời điểm hiện nay.

Từ những cơ sở nêu trên, việc nhiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Mục đích

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết nhằm thống nhất về thời điểm xác định thiệt hại để làm căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự và trách nhiệm bồi thường thiệt hại; thời điểm tội phạm chấm dứt, tội phạm liên tục kéo dài cũng như thiệt hại tội phạm kéo dài, thời điểm chấm dứt thiệt hại trong xét xử các tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ. Đồng thời hướng dẫn các nội dung khác áp dụng chưa thống nhất trong thực tiễn.

2. Quan điểm

Một là, thực hiện đúng quan điểm chỉ đạo của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Hai là, cụ thể hóa quy định Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 về việc bỏ hình phạt tù hình đối với tội tham ô và tội nhận hối lộ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học xây dựng dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn. Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

- Rà soát các văn bản có liên quan và nghiên cứu



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

- Đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao; tổ chức các cuộc họp góp ý đối với dự thảo Nghị quyết;

- Gửi xin ý kiến Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bộ, ngành có liên quan và một số đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao;

Tiếp thu ý kiến góp ý, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học đã chỉnh lý dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi sửa đổi

Trên cơ sở Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP, dự thảo Nghị quyết tập trung sửa đổi, bổ sung quy định về xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ gây ra, hướng dẫn về tội phạm liên tục, kéo dài, tội phạm được phát hiện ngăn chặn, tội phạm kết thúc. Đồng thời, hướng dẫn cụ thể *“người có chức vụ”* quy định tại khoản 2 Điều 352 của Bộ luật Hình sự; tình tiết *“hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm”*, *“dẫn đến doanh nghiệp ngừng hoạt động”* và sửa đổi một số ví dụ trong Nghị quyết để phù hợp với cơ cấu, tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp, tinh gọn.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 12 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Về một số từ ngữ

Điều 3. Về một số tình tiết là dấu hiệu định tội

Điều 4. Về một số tình tiết định khung hình phạt

Điều 5. Nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ

Điều 6. Xem xét trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt trong trường hợp tách vụ án

Điều 7. Truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp người sử dụng tài sản do tham nhũng mà có để thực hiện một trong các hành vi rửa tiền

Điều 8. Truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi quy định tại Chương XXIII của Bộ luật Hình sự

Điều 9. Truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp người phạm tội vừa chiếm đoạt tài sản, nhận của hối lộ vừa gây thiệt hại về tài sản

Điều 10. Xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ gây ra

Điều 11. Xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm

Điều 12. Hiệu lực thi hành



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết bao gồm các nội dung chính sau đây:

(1) Giải thích một số từ ngữ đang có nhiều cách hiểu khác nhau để bảo đảm áp dụng thống nhất trong thực tiễn như: cơ quan tổ chức; cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước; doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước; người có chức vụ; do một hình thức khác; chủ động khai báo trước khi bị phát giác; chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ; hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm; lập công lớn;

(2) Hướng dẫn một số tình tiết là căn cứ định tội như: Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm; đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; lợi ích vật chất khác; lợi ích phi vật chất; lạm dụng chức vụ, quyền hạn;...;

(3) Hướng dẫn một số tình tiết định khung hình phạt như: dùng thủ đoạn xảo quyệt; dùng thủ đoạn nguy hiểm; phạm tội 02 lần trở lên; ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;...;

(4) Hướng dẫn một số nguyên tắc trong việc xử lý tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ. cụ thể như sau: áp dụng các nguyên tắc của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự; xem xét, áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt miễn hình phạt theo quy định của pháp luật đối với một số trường hợp: (i) người phạm tội không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà chỉ vì muốn đổi mới, dám đột phá vì sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ Tổ quốc; (ii) người phạm tội có quan hệ lệ thuộc; (iii) người phạm tội đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác, góp phần hạn chế thiệt hại;... (iv) người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt;

(5) Hướng dẫn xem xét trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt trong trường hợp tách vụ án;

(6) Hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp: (i) người sử dụng tài sản do tham nhũng mà có để thực hiện một trong các hành vi rửa tiền; (ii) khi thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi về chức vụ; (iii) người phạm tội vừa chiếm đoạt tài sản, nhận của hối lộ vừa gây thiệt hại về tài sản;

(7) Hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ gây ra như sau: (i) Trị giá tài sản bị chiếm đoạt làm căn cứ xử lý hình sự được xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp tội phạm thực hiện liên tục, kéo dài thì trị giá tài sản bị chiếm đoạt được xác định tại thời điểm kết thúc hành vi phạm tội. Đối với trường hợp hành vi phạm tội đang diễn ra nhưng bị phát hiện, ngăn chặn thì trị giá tài sản bị chiếm đoạt được xác định tại thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện, ngăn chặn; (ii) Thiệt hại tài sản làm căn cứ để xử lý hình sự được xác định tại thời điểm khởi tố vụ án;



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

(8) Hướng dẫn về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm tham nhũng, chức vụ.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÒN Ý KIẾN KHÁC NHAU

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, còn có ý kiến khác nhau, cụ thể như sau:

1. Về hướng dẫn “*những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó*”

Quan điểm thứ nhất cho rằng, người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ là người có mối quan hệ lao động trực tiếp với bên giao nhiệm vụ, công vụ mà không phải thông qua bên trung gian.

Ví dụ: A là nhân viên của công ty C được giao nhiệm vụ bảo vệ công ty C.

Quan điểm thứ hai cho rằng, người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ là người không có mối quan hệ lao động trực tiếp với bên giao nhiệm vụ, công vụ. Họ thực hiện nhiệm vụ phải thông qua bên trung gian.

Ví dụ: A là nhân viên của công ty B, A được giao nhiệm vụ bảo vệ công ty C.

Về vấn đề này, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học nhất trí theo quan điểm thứ nhất và thể hiện hai phương án tại khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

2. Về hướng dẫn “*Chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn*”

Quan điểm thứ nhất cho rằng, Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 tuy bỏ hình phạt tử hình đối với Tội tham ô, Tội nhận hối lộ, bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc “người bị kết án tử hình về Tội tham ô, Tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn” thì không thi hành án tử hình nhưng lại bổ sung quy định “người bị kết án tử chung thân về Tội tham ô tài sản, Tội nhận hối lộ chỉ có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn”. Do vậy, cần hướng dẫn cụ thể nội dung này để bảo đảm việc áp dụng pháp luật thống nhất trong thực tiễn.

Quan điểm thứ hai cho rằng, đề nghị bỏ hướng dẫn này bởi vì Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 đã bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 về việc “người bị kết án tử hình về Tội tham ô, Tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

Về vấn đề này, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học nhất trí với quan điểm thứ nhất và thể hiện tại các khoản 7, 8 và 9 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

3. Về hướng dẫn “Hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm”

Quan điểm thứ nhất cho rằng, cần bổ sung giải thích cụ thể việc hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm là “tích cực giúp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tạo ra những biến đổi, thay đổi trong việc phát hiện, chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án dẫn tới việc giải quyết vụ án đó được thực hiện nhanh hơn” để thống nhất với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và Sổ tay Thẩm phán.

Quan điểm thứ hai cho rằng, đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP.

Về vấn đề này, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học nhất trí với quan điểm thứ nhất và thể hiện hai phương án tại khoản 8 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

4. Về nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ

Quan điểm thứ nhất cho rằng, giữ nguyên như quy định hiện hành của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP¹ bởi vì quy định “Chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn” không chỉ được áp dụng để xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt đối với người bị kết án tù chung thân mà còn được áp dụng khi xem xét, quyết định mức cao nhất của khung hình phạt mà người phạm tội bị truy tố, xét xử.

Quan điểm thứ hai cho rằng, cần bỏ quy định này vì Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 đã bỏ hình phạt tử hình đối với Tội tham ô và Tội nhận hối lộ, đồng thời quy định “chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn” tại khoản 4 Điều 63 của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 chỉ áp dụng để xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt đối với người bị kết án tù chung thân.

Về vấn đề này, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học nhất trí với quan điểm thứ nhất và thể hiện hai phương án tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết.

5. Về thời điểm xác định thiệt hại tài sản để làm căn cứ xử lý hình sự

¹ Trong quá trình tố tụng, người phạm tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn thì không áp dụng người phạm tội bị truy tố, xét xử



Quan điểm thứ nhất cho rằng, thiệt hại tài sản làm căn cứ để xử lý hình sự được xác định tại thời điểm khởi tố vụ án.

Quan điểm thứ hai cho rằng, thiệt hại tài sản làm căn cứ để xử lý hình sự được xác định tại nhiều thời điểm như sau: (1) nếu thiệt hại xảy ra tại thời điểm tội phạm được thực hiện thì thiệt hại được xác định tại thời điểm này; đối với tội phạm liên tục, kéo dài thì thiệt hại được xác định tại thời điểm tội phạm được phát hiện ngăn chặn hoặc tội phạm kết thúc; (2) nếu thiệt hại xảy ra hoặc kéo dài sau khi tội phạm được thực hiện hoặc sau khi tội phạm đã kết thúc thì thiệt hại được xác định tại thời điểm thiệt hại được ngăn chặn, (3) nếu không thể xác định được thiệt hại thì thiệt hại được xác định tại thời điểm khởi tố vụ án.

Về vấn đề này, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học nhất trí theo quan điểm thứ nhất và thể hiện hai phương án tại khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học kính trình Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Văn Tiến, PCA TANDTC (để b/c);
- Các thành viên HĐTP TANDTC (để trình);
- Lưu: Vụ PC&QLKH-P1.

VỤ TRƯỞNG

Lê Thế Phúc



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

Số: /2025/NQ-HĐTP
(Dự thảo 2)

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, Luật số 86/2025/QH15

Để áp dụng đúng và thống nhất một số quy định trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ;

Sau khi có ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, **Luật số 86/2025/QH15** (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự) về các tội phạm tham nhũng và các tội phạm khác về chức vụ; xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ gây ra; xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm.

Điều 2. Về một số từ ngữ

1. “*Cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 352 của Bộ luật Hình sự bao gồm cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước và doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước.

2. “*Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước*” là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật Phòng, chống tham nhũng, bao gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức, đơn vị khác do Nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, cấp phát



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

hoạt động, do Nhà nước trực tiếp quản lý hoặc tham gia quản lý nhằm phục vụ nhu cầu phát triển chung, thiết yếu của Nhà nước và xã hội.

3. “Doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước” quy định tại các điều 353, 354, 364 và 365 của Bộ luật Hình sự là doanh nghiệp, tổ chức không thuộc trường hợp hướng dẫn tại khoản 2 Điều này.

4. “Người có chức vụ” quy định tại khoản 2 Điều 352 của Bộ luật Hình sự là những người quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật Phòng, chống tham nhũng là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm:

- a) Cán bộ, công chức, viên chức;
- b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;
- c) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- d) Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức;
- đ) Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

Phương án 1

Người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ quy định tại điểm đ khoản 4 điều này được hiểu là người có phát sinh mối quan hệ lao động với bên giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: Nguyễn Văn A nhân viên của Công ty B (ký hợp đồng lao động không thời hạn) và được giao nhiệm vụ bảo vệ Công ty. Quá trình thực hiện nhiệm vụ A đã lợi dụng vào kho hàng lấy 100 chiếc điện thoại (tổng trị giá 200.000.000đ). Trường hợp này, A là người lao động, Công ty B là người sử dụng lao động, nên có phát sinh mối quan hệ lao động. Do đó, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tham ô tài sản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A nhân viên của Công ty B (ký hợp đồng lao động thử việc 01 tháng), được giao thực hiện nhiệm vụ chuyên giao hàng cho khách và thu tiền. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, A đã thu tiền của khách với tổng trị giá 200.000.000đ nhưng không nộp về Công ty B. Trường hợp này, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tham ô tài sản.

Phương án 2



Người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ quy định tại điểm đ khoản 4 điều này được hiểu là người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ dưới mọi hình thức như hợp đồng lao động hoặc hợp đồng dịch vụ...

Ví dụ: Nguyễn Văn A nhân viên của Công ty B được giao nhiệm vụ bảo vệ cho Công ty C. Quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cho Công ty B, A đã lợi dụng vào kho hàng lấy 100 chiếc điện thoại (tổng trị giá 200.000.000đ). Trường hợp này, giữa A và Công ty C không phát sinh mối quan hệ lao động, do đó A chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A thỏa thuận giao hàng và thu tiền hàng của khách về cho Công ty B (A không phải là nhân viên Công ty B). Quá trình thực hiện nhiệm vụ, A đã thu tiền của khách với tổng trị giá 200.000.000đ nhưng không nộp về Công ty B. Trường hợp này, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

5. "Do một hình thức khác" quy định tại khoản 2 Điều 352 của Bộ luật Hình sự là trường hợp không phải do bỏ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng nhưng được giao thực hiện nhiệm vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ đó.

Ví dụ: Nguyễn Văn A là dân quân tự vệ tổ dân phố, không phải thành viên của Ban quản lý chợ B nhưng được cử hỗ trợ trông xe và thu phí gửi xe vào dịp tết nguyên đán. Lợi dụng nhiệm vụ được giao A đã chiếm đoạt 10.000.000đ tiền thu vé mà không nộp về Ban quản lý chợ B.

6. "Chủ động khai báo trước khi bị phát giác" quy định tại khoản 7 Điều 364 và khoản 6 Điều 365 của Bộ luật Hình sự là trường hợp hành vi phạm tội đưa hối lộ, môi giới hối lộ chưa bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện, chưa bị ai tố giác nhưng người đưa hối lộ, người môi giới hối lộ đã tự khai báo toàn bộ sự việc đưa hối lộ, môi giới hối lộ mà mình thực hiện.

7.

Phương án 1 (giữ như Nghị quyết hiện hành)

"Chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ" là trường hợp người phạm tội đã tự mình nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ sau khi phạm tội. Cũng được coi là chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ đối với trường hợp người phạm tội sau khi phạm tội đã tác động để cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em, những người thân khác nộp lại hoặc không phản đối việc cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em, những người thân khác nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản mà mình tham ô, nhận hối lộ.

Đối với trường hợp trong cùng vụ án, người bị truy cứu trách nhiệm hình sự về nhiều tội, trong đó có tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ và tội khác, nhưng đã chủ động nộp lại số tài sản bằng ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ



thì cũng được coi là chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ, trừ trường hợp có căn cứ rõ ràng xác định tài sản có nguồn gốc từ tội phạm khác.

Ví dụ: Nguyễn Văn A có hành vi tham ô số tiền 4.000.000.000 đồng và lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 2.000.000.000 đồng. Sau khi A bị khởi tố, vợ của A đã chuyển nhượng nhà đất là tài sản riêng của mình để thay A nộp lại số tiền 3.000.000.000 đồng thì được coi là chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô.

Phương án 2

Đề nghị bỏ hướng dẫn nội dung này. Vì hiện nay Điều 353, Điều 354 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 đã bỏ hình phạt tử hình và bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 40 “*Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.*”

8.

Phương án 1

“*Hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm*” là sau khi phạm tội tham nhũng hoặc các tội phạm khác về chức vụ, người phạm tội đã chủ động *tích cực giúp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tạo ra những biến đổi, thay đổi trong việc phát hiện, chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án dẫn tới việc giải quyết vụ án đó được thực hiện nhanh hơn*¹.

Hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm được thể hiện bằng việc cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật có ý nghĩa thiết thực cho việc phát hiện, chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án; chỉ nơi cất giấu tang vật, công cụ, phương tiện phạm tội; cung cấp thông tin, nơi trốn tránh của đồng phạm khác.

Ngoài những trường hợp nêu trên, có thể xác định những trường hợp khác là “hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm” nhưng Tòa án phải nhận định rõ trong bản án. (giữ nguyên khoản này vì được quy định trong khoản 4 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự).

Phương án 2 (Giữ nguyên như Nghị quyết hiện hành).

“*Hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm*” là sau khi phạm tội tham nhũng hoặc các tội phạm khác về chức vụ, người phạm tội đã chủ động cung cấp những tin tức, tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa cho việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến tội phạm mà họ bị buộc tội (như: chỉ đúng nơi cất giấu vật chứng quan trọng giúp cơ quan chức năng thu

¹ Dự thảo Nghị quyết 51, 52 và số tay Thẩm phán



hồi được vật chứng đó; khai báo và chỉ đúng nơi đồng phạm khác đang bỏ trốn; khai báo về tội phạm và người phạm tội mới liên quan đến tội phạm mà họ bị buộc tội...). Ngoài những trường hợp nêu trên, có thể xác định những trường hợp khác là “hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm” nhưng Tòa án phải nhận định rõ trong bản án.

9. “*Lập công lớn*” là trường hợp người phạm tội đã giúp cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, truy bắt, điều tra, xử lý tội phạm không liên quan đến tội phạm mà họ bị buộc tội; cứu được người khác trong tình thế hiểm nghèo hoặc cứu được tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên của Nhà nước, của tập thể, của cá nhân trong thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc sự kiện bất khả kháng khác; có phát minh, sáng chế hoặc sáng kiến có giá trị lớn được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận. Ngoài những trường hợp nêu trên, có thể xác định những trường hợp khác là “lập công lớn” nhưng Tòa án phải nhận định rõ trong bản án.

Điều 3. Về một số tình tiết là dấu hiệu định tội

1. “*Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm*” quy định tại điểm a khoản 1 các điều 353, 354, 355 và 358 của Bộ luật Hình sự là trường hợp trước đó người phạm tội đã bị xử lý kỷ luật về hành vi tương ứng nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: Nguyễn Văn A đã kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo về hành vi tham ô số tiền 500.000 đồng nhưng 06 tháng sau, A lại thực hiện hành vi tham ô số tiền 1.500.000 đồng.

Trường hợp người có hành vi vi phạm đã bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý kỷ luật, sau đó lại bị cơ quan tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự về chính hành vi này thì việc bị xử lý kỷ luật trước đó không bị coi là “đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm”.

Ví dụ: Nguyễn Văn A đã bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật về hành vi tham ô tài sản, sau đó A lại bị xem xét khởi tố về chính hành vi tham ô này thì không được áp dụng tình tiết “đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm” đối với A.

2. “*Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” quy định tại khoản 1 các điều 353, 354 và 355 của Bộ luật Hình sự là trước đó người phạm tội đã bị kết án trong 01 lần về một hoặc nhiều tội quy định tại Mục 1 Chương XXIII của Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện một trong những hành vi được liệt kê tại khoản 1 của một trong các điều 353, 354 và 355 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp ngoài tiền án nêu trên, người phạm tội còn có tiền án khác thì tiền án này được sử dụng để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm, trừ trường hợp các tiền án đều đã được sử dụng để xác định dấu hiệu định tội trong các lần kết án trước đó.



Ví dụ: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội nhận hối lộ số tiền là 1.500.000 đồng, A đã có 02 tiền án, trong đó tiền án thứ nhất, A bị kết án về tội tham ô tài sản với số tiền chiếm đoạt là 5.000.000 đồng; tiền án thứ hai, A bị kết án về tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt là 1.000.000 đồng. Trường hợp này, tiền án thứ hai được sử dụng để xác định dấu hiệu định tội đối với tội tham ô tài sản. Đối với tiền án thứ nhất, do trước đó đã được sử dụng để xác định dấu hiệu định tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (với số tiền chiếm đoạt là 1.000.000 đồng) nên không được tiếp tục sử dụng để xác định tái phạm.

3. *“Lợi ích vật chất khác”* quy định tại các điều 354, 358, 364 và 366 của Bộ luật Hình sự là lợi ích vật chất không phải là tài sản quy định tại Điều 105 của Bộ luật Dân sự.

Ví dụ: Hối lộ bằng cách tài trợ kinh phí đi du học, đi du lịch, *trả ơn, giúp người quen...*

4. *“Lợi ích phi vật chất”* quy định tại điểm b khoản 1 các điều 354, 358, 364, 365 và 366 của Bộ luật Hình sự là những lợi ích không phải lợi ích vật chất.

Ví dụ: Hối lộ bằng cách tặng thưởng, đề xuất tặng thưởng các danh hiệu, giải thưởng; bầu, cử, bổ nhiệm chức vụ; nâng điểm thi; hứa hẹn cho tốt nghiệp, cho đi học, đi thi đấu, đi biểu diễn ở nước ngoài; hối lộ tình dục,...

5. *“Lạm dụng chức vụ, quyền hạn”* quy định tại khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Hình sự là sử dụng vượt quá quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ được giao hoặc tuy không được giao, không được phân công nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực đó nhưng vẫn thực hiện.

Ví dụ: Nguyễn Văn A là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. A chỉ được phân công phụ trách lĩnh vực văn hóa - xã hội, không được phân công phụ trách lĩnh vực quản lý đất đai nhưng A vẫn ra quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Y (là Công ty của gia đình A). Trường hợp này hành vi của A đã vượt quá chức trách, nhiệm vụ được giao.

6. *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”* quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự là dựa vào chức vụ, quyền hạn được giao để làm trái, không làm hoặc làm không đúng quy định của pháp luật.

Ví dụ: Nguyễn Văn A là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện hành vi trái công vụ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh B tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư không đúng quy định.

7. *“Vụ lợi”* quy định tại khoản 1 các điều 356, 357 và 359 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng cho mình hoặc cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.



8. “*Động cơ cá nhân khác*” quy định tại khoản 1 các điều 356, 357 và 359 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền nhằm khẳng định, củng cố, nâng cao địa vị, uy tín, quyền lực của mình một cách không chính đáng.

9. Thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra quy định tại các điều 353, 354, 355 và 358 của Bộ luật Hình sự là thiệt hại thực tế xảy ra và có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội, không bao gồm tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác mà người phạm tội đã hoặc sẽ chiếm đoạt.

Ví dụ: Nguyễn Văn A là Thủ kho của Công ty B có hành vi tham ô số tiền thuộc phòng dịch trị giá 200.000.000 đồng. Do không có thuộc phòng dịch nên dẫn đến hậu quả là toàn bộ số gia cầm trị giá 10.000.000.000 đồng của Công ty B bị chết. Trong trường hợp này, phải xác định số tiền A chiếm đoạt là 200.000.000 đồng và thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội của A là 10.000.000.000 đồng.

10. “*Bí mật công tác*” quy định tại Điều 361 và Điều 362 của Bộ luật Hình sự là thông tin công tác được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào (ví dụ: văn bản, dự thảo văn bản, bài phát biểu, hình ảnh...) mà cơ quan, tổ chức quy định không được để lộ cho người khác biết và các thông tin này không thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Điều 4. Về một số tình tiết định khung hình phạt

1. Tình tiết “*dùng thủ đoạn xảo quyệt*” hoặc “*dùng thủ đoạn nguy hiểm*” quy định tại khoản 2 các điều 353, 354, 355, 364 và 365 của Bộ luật Hình sự:

a) “*Dùng thủ đoạn xảo quyệt*” là trường hợp người phạm tội sử dụng thủ đoạn dối trá một cách tinh vi, sử dụng công nghệ cao để thực hiện hành vi phạm tội, che giấu tội phạm, đổ tội cho người khác hoặc người phạm tội có hành vi tiêu hủy chứng cứ, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm.

b) “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” là trường hợp người phạm tội sử dụng thủ đoạn có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác hoặc có thể gây hậu quả nghiêm trọng khác để chiếm đoạt tài sản hoặc che giấu tội phạm.

2. Tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại khoản 2 các điều 353, 354, 355, 356, 357, 358, 361, 364, 365 và 366 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội đã thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điều này từ 02 lần trở lên và mỗi hành vi đều cấu thành tội phạm, nhưng đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ví dụ: Ngày 15/3/2025, Nguyễn Văn A có hành vi tham ô số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 25/8/2025, A lại có hành vi tham ô số tiền 20.000.000 đồng. Các hành vi phạm tội của A đều chưa bị xử lý hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp này, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tham ô tài sản và bị áp dụng tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

3. Tình tiết “*ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là một trong các trường hợp sau:

a) Làm mất hoặc giảm sút thu nhập thường xuyên, thu nhập tăng thêm hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ 5.000.000 đồng trở lên/người;

b) Gây khiêu nại, tố cáo bức xúc, làm mất đoàn kết, mất niềm tin trong nội bộ cơ quan, tổ chức ảnh hưởng đến tinh thần của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

4. Tình tiết “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” quy định tại khoản 3 các điều 353, 355 của Bộ luật Hình sự là một trong các trường hợp sau:

a) Gây khiêu khích đông người, biểu tình, gây rối để các thế lực thù địch lợi dụng, lôi kéo, kích động chống phá chính quyền, xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước;

b) Gây hoang mang, lo sợ hoặc phẫn nộ trong nhân dân;

c) Gây khó khăn trong việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Ví dụ: Nguyễn Văn A tham ô tiền hỗ trợ người nghèo phát triển kinh tế dẫn đến Ủy ban nhân dân xã B gặp khó khăn trong việc triển khai chính sách xóa đói, giảm nghèo tại địa phương.

5. Tình tiết “*dẫn đến doanh nghiệp ngừng hoạt động*” quy định tại khoản điểm d khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là trường hợp doanh nghiệp không thể thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh trong thời hạn 06 tháng liên tiếp² dẫn đến không thể tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động.

Điều 5. Nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ

1. Việc xử lý tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ phải bảo đảm nghiêm khắc và tuân thủ triệt để các nguyên tắc của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự.

2.

Phương án 1

Trong quá trình tố tụng, người phạm tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập

² Điều 212 Luật Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có nguy cơ bị thu hồi (Điều 206 về tạm ngừng kinh doanh).



công lớn thì không áp dụng mức cao nhất của khung hình phạt mà người phạm tội bị truy tố, xét xử.

Phương án 2

Bỏ khoản 2

3. Xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt miễn hình phạt theo quy định tại Điều 59 của Bộ luật Hình sự đối với trường hợp người phạm tội có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự hoặc người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người phạm tội không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác, mà chỉ vì muốn đổi mới, dám đột phá vì sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ Tổ quốc;

b) Người phạm tội là người có quan hệ lệ thuộc (như cấp dưới đối với cấp trên, người làm công hưởng lương, chấp hành nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên), không ý thức được đầy đủ hành vi phạm tội của mình, không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác, không được hưởng lợi; đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần có hiệu quả vào việc điều tra, xử lý tội phạm;

c) Người phạm tội đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra;

d) Người phạm tội sau khi bị phát hiện đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra.

Điều 6. Xem xét trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt trong trường hợp tách vụ án

Trường hợp vụ án được tách ra để giải quyết trong các giai đoạn khác nhau (tách thành nhiều vụ án) thì việc xem xét trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt được thực hiện như sau:

1. Không coi việc người phạm tội đã bị kết án trong vụ án trước đó là căn cứ xác định “phạm tội 02 lần trở lên”, trừ trường hợp các hành vi phạm tội bị xem xét, xử lý hình sự trong các giai đoạn là độc lập với nhau;

2. Không coi việc người phạm tội đã bị kết án trong vụ án trước đó là có nhân thân không tốt để không cho hưởng án treo, nếu họ có đủ các điều kiện khác để được hưởng án treo;

3. Việc quyết định hình phạt trong từng khi tổng hợp hình phạt của các bản án không



khung hình phạt tương ứng với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt, của hồi lộ hoặc thiệt hại do tội phạm gây ra.

Ví dụ: Nguyễn Văn A có hành vi lạm quyền trong thi hành công vụ. Do bước đầu chỉ chứng minh được A gây thiệt hại tài sản trị giá 100.000.000 đồng nên cơ quan tiến hành tố tụng đã quyết định tách thành 02 vụ án, xử lý trước đối với A về hành vi gây thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó ở giai đoạn 2 cơ quan tiến hành tố tụng lại chứng minh được hành vi của A còn gây thiệt hại tài sản trị giá 350.000.000 đồng. Tại giai đoạn 1, Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Hình sự kết án A 05 năm tù về tội lạm quyền trong thi hành công vụ. Khi xét xử vụ án ở giai đoạn 2, A tiếp tục bị truy tố theo khoản 2 Điều của 357 của Bộ luật Hình sự, để bảo đảm khi tổng hợp hình phạt của cả 02 bản án không vượt quá mức cao nhất của khoản này thì Tòa án chỉ được quyết định hình phạt không quá 05 năm tù đối với A.

Điều 7. Truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp người sử dụng tài sản do tham nhũng mà có để thực hiện một trong các hành vi rửa tiền

Trường hợp người sử dụng tài sản do tham nhũng mà có để thực hiện một trong các hành vi rửa tiền quy định tại Điều 324 của Bộ luật Hình sự thì ngoài việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm tương ứng quy định tại Chương XXIII của Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội rửa tiền theo quy định tại Điều 324 của Bộ luật Hình sự.

Ví dụ: Nguyễn Văn A có hành vi tham ô số tiền 5.000.000.000 đồng, sau đó A dùng số tiền này đầu tư, kinh doanh bất động sản để che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của số tiền đã tham ô. Trường hợp này, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tham ô tài sản quy định tại Điều 353 và tội rửa tiền quy định tại Điều 324 của Bộ luật Hình sự.

Điều 8. Truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi quy định tại Chương XXIII của Bộ luật Hình sự

1. Trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi quy định tại Chương XXIII của Bộ luật Hình sự, nhưng mỗi lần trị giá tài sản chiếm đoạt, của hồi lộ, gây thiệt hại về tài sản dưới mức tối thiểu quy định để truy cứu trách nhiệm hình sự và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời trong các hành vi đó chưa có lần nào bị xử lý kỷ luật và chưa hết thời hiệu xử lý kỷ luật, nếu tổng trị giá tài sản chiếm đoạt, của hồi lộ hoặc thiệt hại bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự, thì người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi vi phạm bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng theo tổng trị giá tài sản chiếm đoạt tài sản, của hồi lộ hoặc tài sản thiệt hại.

Ví dụ: Ngày 15/7/2025, Nguyễn Văn A có hành vi nhận hồi lộ số tiền 1.500.000 đồng; ngày 15/8/2025, A tiếp tục nhận hồi lộ số tiền 2.500.000 đồng; ngày 03/9/2025, A lại tiếp tục nhận hồi lộ số tiền 1.500.000 đồng.



thẩm quyền phát hiện. Các hành vi này của A đều chưa bị xử lý kỷ luật và chưa hết thời hiệu xử lý kỷ luật. Trường hợp này, tổng số tiền nhận hối lộ của A được xác định là 8.500.000 đồng nên A bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

2. Trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi quy định tại Chương XXIII của Bộ luật Hình sự, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và tổng trị giá tài sản chiếm đoạt, của hối lộ hoặc tài sản thiệt hại của các lần vi phạm thuộc khung hình phạt tăng nặng, nếu các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì ngoài việc bị áp dụng khung hình phạt tương ứng với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt, của hối lộ hoặc tài sản thiệt hại, họ còn bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng hoặc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như sau:

a) Nếu tổng trị giá tài sản chiếm đoạt, của hối lộ hoặc tài sản thiệt hại thuộc khoản 2 của điều luật tương ứng thì người phạm tội bị áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”.

Ví dụ: Ngày 15/8/2025, Nguyễn Văn A có hành vi nhận hối lộ số tiền 50.000.000 đồng; ngày 30/8/2025, A lại tiếp tục nhận hối lộ số tiền 100.000.000 đồng bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện. Trường hợp này, A bị áp dụng 02 tình tiết tăng nặng định khung là: “của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” và “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm c và điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

b) Nếu tổng trị giá tài sản chiếm đoạt hoặc của hối lộ nhận hoặc tài sản thiệt hại thuộc khung hình phạt tăng nặng khác thì người phạm tội bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”.

Ví dụ: Ngày 11/3/2025, Nguyễn Văn A có hành vi nhận hối lộ số tiền 400.000.000 đồng; ngày 30/8/2025, A lại tiếp tục nhận hối lộ số tiền 200.000.000 đồng bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện. Trường hợp này, A bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung “của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 354 và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Điều 9. Truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp người phạm tội vừa chiếm đoạt tài sản, nhận của hối lộ vừa gây thiệt hại về tài sản

Trường hợp người phạm tội vừa chiếm đoạt tài sản, nhận của hối lộ, vừa gây thiệt hại về tài sản mà trị giá tài sản chiếm đoạt, của hối lộ và trị giá tài sản thiệt hại thuộc các điểm trong cùng một khung hình phạt thì truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội theo các điểm tương ứng của khung hình phạt đó. Trường hợp trị giá tài sản chiếm đoạt, của hối lộ và trị giá tài sản thiệt hại thuộc các khung hình phạt khác nhau thì truy cứu trách nhiệm hình phạt cao hơn.



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

Điều 10. Xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ gây ra

1. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt làm căn cứ xử lý hình sự được xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp tội phạm thực hiện liên tục, kéo dài thì trị giá tài sản bị chiếm đoạt được xác định tại thời điểm kết thúc hành vi phạm tội. Đối với trường hợp hành vi phạm tội đang diễn ra nhưng bị phát hiện, ngăn chặn thì trị giá tài sản bị chiếm đoạt được xác định tại thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện, ngăn chặn.

2.

Phương án 1

Thiệt hại tài sản làm căn cứ để xử lý hình sự được xác định tại thời điểm khởi tố vụ án.

Phương án 2

Thiệt hại tài sản làm căn cứ để xử lý hình sự tùy từng trường hợp cụ thể được xác định như sau:

a) Trường hợp thiệt hại xảy ra tại thời điểm tội phạm được thực hiện thì thiệt hại được xác định tại thời điểm này; đối với tội phạm liên tục, kéo dài thì thiệt hại được xác định tại thời điểm tội phạm được phát hiện ngăn chặn hoặc tội phạm kết thúc.

Tội phạm liên tục, kéo dài là trường hợp nhiều hành vi cùng thực hiện một tội phạm xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian, cùng xâm hại đến khách thể của tội phạm và đều bị chi phối bởi một ý định phạm tội cụ thể.

Thời điểm tội phạm liên tục, kéo dài được phát hiện là khi hành vi phạm tội đang thực hiện mà bị phát hiện hành vi phạm.

Thời điểm tội phạm liên tục, kéo dài kết thúc là hành vi phạm tội đã thực sự chấm dứt.

Ví dụ: Nguyễn Văn A lợi dụng chức vụ, quyền hạn ký ban hành các công văn, quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư T vào năm 2011 mà không qua thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất là trái với các quy định của pháp luật. Trường hợp này, thiệt hại được xác định tại thời điểm Nguyễn Văn A thực hiện hành vi phạm tội là năm 2011, số tiền thiệt hại là khoản tiền chênh lệch giữa tiền sử dụng đất trong quyết định giao đất với giá thực tế tại thời điểm giao đất và cho thuê đất.

b) Trường hợp thiệt hại xảy ra hoặc kéo dài sau khi tội phạm được thực hiện hoặc sau khi tội phạm đã kết thúc thì thiệt hại được xác định tại thời điểm thiệt hại được ngăn chặn.

Ví dụ: Nguyễn Văn A lợi dụng chức vụ, đối với cán bộ cấp dưới để góp vốn bằng quyền



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

nghiệp Nhà nước trái quy định của pháp luật từ năm 2016. Năm 2019, hành vi phạm tội của Nguyễn Văn A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện và ngăn chặn, khởi tố. Trường hợp này, thiệt hại được xác định tại thời điểm hiết hại được ngăn chặn.

c) Trường hợp không thể xác định được thiệt hại theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này thì thiệt hại được xác định tại thời điểm khởi tố vụ án.

Ví dụ: Nguyễn Văn A là Tổng giám đốc Công ty C có 100% vốn nhà nước. Năm 2013, trong quá trình thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, bị cáo A đã có hành vi câu kết với các bị cáo khác để không xác định giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, gây thiệt hại cho Nhà nước. Năm 2021, hành vi phạm tội của các bị cáo bị phát hiện và khởi tố. Trường hợp này, thiệt hại của Nhà nước được xác định tại thời điểm khởi tố vụ án.

3. Việc xem xét trách nhiệm dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.

Điều 11. Xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm

1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án phải xem xét áp dụng ngay biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội nếu các tài sản này chưa bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trong giai đoạn điều tra, truy tố.

2. Tòa án xem xét, quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, tịch thu tiêu hủy hoặc buộc trả lại, bồi thường cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật đối với tài sản liên quan trực tiếp đến tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ, bao gồm:

- a) Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội;
- b) Tiền, tài sản bị chiếm đoạt;
- c) Cửa hồi lộ;
- d) Thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra;
- đ) Khoản thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội;
- e) Lợi nhuận, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản do phạm tội mà có;
- g) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản thuộc trường hợp bị tịch thu sung ngân sách nhà nước không còn tại thời điểm giải quyết vụ án thì Tòa án quyết định tịch thu trị giá tài sản theo kết luận định giá của cơ quan có thẩm quyền.

4. Trường hợp tài sản có nguồn gốc từ tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ đã được nhập vào khối tài sản thuộc sở hữu chung thì Tòa án chỉ tịch thu hoặc buộc trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đối với phần tài sản có nguồn gốc từ tội phạm. Lợi nhuận thu được



Sổ tay Điều tra hình sự
<http://Sotaydths.com>
Tài liệu tham khảo

được chia theo tỷ lệ để tịch thu hoặc trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2025. *Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.*

2. Trường hợp người phạm tội đã bị xét xử trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực theo đúng các quy định, hướng dẫn trước đây và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì không căn cứ vào Nghị quyết này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ 02 ban;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tài chính;
- Các TAND và TAQS các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC (để thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT (TANDTC; Vụ PC&QLKH).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Lê Minh Trí

